

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN**

**CHỨC DANH: Phó giáo sư**

**Mã hồ sơ: .....**

(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống: )

Đối tượng đăng ký: Giảng viên  ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Giao thông Vận tải; Chuyên ngành: Xây dựng Đường Bộ

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

1. Họ và tên người đăng ký: TRẦN QUANG HỌC

2. Ngày tháng năm sinh: 15/01/1977; Nam ; Nữ ;  Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: xã Đình Cao, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phòng B9, Chung cư số 96B, 96 đường Định Công, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ: Phòng 402 nhà A6, trường Đại học Giao thông Vận tải, số 3 phố Cầu Giấy, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Điện thoại di động: 0963814555; E-mail: hoctq@utc.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

| Thời gian       | Cơ quan công tác  | Công việc/Chức vụ |
|-----------------|---|-------------------|
| 08/2001-08/2003 | Bộ môn Trắc địa, khoa Công trình,<br>Trường ĐH GTVT                           | Trợ giảng/Tập sự  |
| 09/2003-11/2008 | Bộ môn Trắc địa, khoa Công trình,<br>Trường ĐH GTVT                           | Giảng viên        |
| 12/2008-12/2012 | Khoa Trắc địa, Trường ĐH tổng hợp Trắc<br>địa Bản đồ Mátxcova – Liên bang Nga | Nghiên cứu sinh   |
| 01/2013-03/2018 | Bộ môn Trắc địa, khoa Công trình,<br>Trường ĐH GTVT                           | Giảng viên        |

|                 |   |                                   |
|-----------------|---|-----------------------------------|
| 04/2018-07/2019 | Bộ môn Trắc địa, khoa Công trình,<br>Trường ĐH GTVT | Giảng viên chính                  |
| 08/2019-nay     | Bộ môn Trắc địa, khoa Công trình,<br>Trường ĐH GTVT | Giảng viên<br>chính/Trưởng Bộ môn |

Chức vụ: Hiện nay: Trưởng bộ môn Trắc địa; Chức vụ cao nhất đã qua: Không

Cơ quan công tác hiện nay: Bộ môn Trắc địa, khoa Công trình, Trường Đại học Giao thông Vận tải.

Địa chỉ cơ quan: số 3 phố Cầu Giấy, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, TP. Hà Nội.

Điện thoại cơ quan: 0243 7663441

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không

**8. Đã nghỉ hưu:** Ứng viên chưa nghỉ hưu.

**9. Trình độ đào tạo:**

- Được cấp bằng ĐH ngày 02 tháng 11 năm 1999; số văn bằng: B186434; ngành: Trắc địa Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Mỏ-Địa Chất, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 31 tháng 12 năm 2007; số văn bằng: 000549; ngành: Kỹ thuật (Trắc địa); chuyên ngành: Kỹ thuật (Trắc địa); Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Mỏ-Địa Chất, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 01 tháng 04 năm 2013; số văn bằng: 181909; ngành: Tiến sỹ kỹ thuật Trắc địa; chuyên ngành: Trắc địa; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường ĐH tổng hợp Trắc địa Bản đồ Mátcovơ, Liên bang Nga.

**10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS:** Ứng viên chưa được bổ nhiệm PGS

**11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở:** Trường Đại học Giao thông Vận tải

**12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành:** Xây dựng Đường bộ, Giao thông Vận tải.

**13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:**

- *Hướng nghiên cứu 1:* Nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới trong công tác trắc địa phục vụ xây dựng công trình giao thông;

- *Hướng nghiên cứu 2:* Nghiên cứu kỹ thuật xử lý dữ liệu; công nghệ mới trong dự báo ùn tắc giao thông, quản lý cơ sở dữ liệu hạ tầng giao thông tại Việt Nam.

#### **14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:**

- Đã hướng dẫn 04 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng 02 cấp Trường.
- Đã công bố 34 bài báo khoa học, trong đó 04 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín mà ứng viên là tác giả chính sau tiến sỹ.
- Số lượng sách đã xuất bản: 03 - là giáo trình phục vụ đào tạo bậc đại học và cao học;

#### **15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):**

Trong thời gian tham gia giảng dạy ở Trường ĐH Giao thông Vận tải, từ tháng 8/2001 đến nay, ứng viên thường xuyên đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở”, Kỷ niệm chương vì sự nghiệp của Bộ giáo dục và Đào tạo.

- *Kỷ niệm chương vì sự nghiệp giáo dục*, do bộ Giáo dục và Đào tạo tặng do đã có đóng góp cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo (QĐ số 3319/QĐ-BGDĐT ngày 20/20/2023).

- *Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở các năm học:*

Năm học 2013-2014 (QĐ số 1229/QĐ-ĐHGTVT ngày 30/05/2014);

Năm học 2017-2018 (QĐ số 1669/QĐ-ĐH GTVT ngày 24/08/2018);

Năm học 2019-2020 (QĐ số 1651/QĐ-ĐHGTVT ngày 09/10/2020);

Năm học 2021-2022 (QĐ số 1764/ QĐ-ĐHGTVT ngày 19/09/2022);

- *Danh hiệu “Lao động tiên tiến” và Giấy khen hiệu trưởng các năm học:*

Năm học 2015-2016 (QĐ số 1584/QĐ-ĐHGTVT ngày 11/08/2016);

Năm học 2016-2017 (QĐ số 1609/QĐ-ĐH GTVT ngày 29/08/2017);

Năm học 2018-2019 (QĐ số 1785/QĐ-ĐH GTVT ngày 27/08/2019);

Năm học 2020-2021 (QĐ số 1901/QĐ-ĐH GTVT ngày 21/10/2021);

Năm học 2022-2023 (QĐ số 2069/QĐ-ĐH GTVT ngày 18/09/2023);

- *Danh hiệu “Lao động tiên tiến” trong các năm học:*

Năm học 2002-2003 (QĐ số 945/QĐ-CTCT ngày 25/08/2003);

Năm học 2003-2004 (QĐ số 878/QĐ-CTCT&SV ngày 24/08/2004);

Năm học 2004-2005 (QĐ số 1171/QĐ-CTCT&SV ngày 30/08/2005);

Năm học 2005-2006 (QĐ số 1381/QĐ-CTCT&SV ngày 18/09/2006);

Năm học 2006-2007 (QĐ số 1112/QĐ-CTCT&SV ngày 28/08/2007);

Năm học 2007-2008 (QĐ số 1334/QĐ-CTCT&SV ngày 08/09/2008);

**16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):** Ứng viên không chịu các hình thức kỷ luật nào.

## **B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ**

### **1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:**

Ứng viên là giảng viên có thâm niên giảng dạy 17 năm (không tính thời gian tập sự 01 năm và 04 năm đi học nghiên cứu sinh ở nước ngoài). Ứng viên đã giảng dạy nhiều thế hệ sinh viên ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông tại khoa Công trình, ngành Kỹ thuật xây dựng tại khoa Kỹ thuật Xây dựng, Trường Đại học Giao thông Vận tải. Từ năm 2015, ứng viên đã tham gia đào tạo trình độ thạc sỹ cho ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông và ngành Kỹ thuật Xây dựng. Nhiều sinh viên và học viên cao học mà ứng viên giảng dạy sau khi tốt nghiệp ra trường đi làm tại các công ty, viện nghiên cứu trong ngành Giao thông vận tải đánh giá cao. Ứng viên cũng liên tục tự trao dồi kiến thức và tham gia vào các dự án khảo sát-thiết kế công trình giao thông để mở rộng thêm kiến thức chuyên môn, áp dụng trong công tác giảng dạy. Ứng viên tự nhận thấy bản thân đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- *Về tư cách đạo đức:* Ứng viên luôn chấp hành nghiêm túc các đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các quy định của Trường Đại học Giao thông Vận tải và nơi cư trú. Có tư cách đạo đức tốt, có tinh thần trách nhiệm trong công việc, luôn nỗ lực thực hiện tốt chức trách nhiệm vụ được giao; cởi mở, hoà đồng và sẵn sàng giúp đỡ sinh viên và đoàn kết gắn bó với đồng nghiệp.

- *Về công tác chuyên môn:* Trong quá trình công tác, với vị trí một giảng viên đại học, hằng năm ứng viên đã tham gia vào các công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học, cụ thể:

Hoạt động giảng dạy: tham gia giảng dạy các học phần được phân công trong chương trình Đại học (giảng dạy các môn trắc địa, trắc địa công trình) và trong chương trình sau đại học (môn kỹ thuật quan trắc công trình), hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học, làm đồ án tốt nghiệp, hướng dẫn học viên cao học làm luận văn tốt nghiệp.

Bên cạnh đấy ứng viên còn tham gia xây dựng chương trình đào tạo, viết đề cương một số học phần trong các chương trình đào tạo đại học và sau đại học của Bộ môn.

Hoạt động nghiên cứu khoa học: Ứng viên tích cực tham gia vào các hoạt động nghiên cứu khoa học, chủ trì và tham gia các đề tài khoa học từ cấp cơ sở đến cấp Bộ. Các kết quả nghiên cứu của tôi và đồng nghiệp đã được công bố trên nhiều công trình khoa học trong nước và quốc tế.

Trong quá trình công tác, ứng viên luôn thực hiện các nhiệm vụ, công việc với tinh thần trách nhiệm cao, thường xuyên trao dồi kiến thức và từng bước nâng cao trình độ của bản thân. Tôi luôn đề cao sự sáng tạo, coi trọng sự trung thực, nghiêm túc và chuẩn mực trong giảng dạy và nghiên cứu. Tôi luôn coi trọng sự hợp tác, tinh thần làm việc nhóm và trách nhiệm cá nhân trong mọi công việc của mình và của tập thể.

### **2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:**

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 17 năm

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

| TT              | Năm học   | Số lượng NCS đã hướng dẫn |     | Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn | Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD | Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp |       | Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*) |
|-----------------|-----------|---------------------------|-----|------------------------------------|---|------------------------------------|-------|---|
|                 |           | Chính                     | Phụ |                                    |   | ĐH                                 | SĐH   |   |
| 1               | 2016-2017 |                           |     | 01                                 |   | 864.32                             | 56.25 | 617.32/910.58/270   |
| 2               | 2018-2019 |                           |     | 01                                 |   | 448.5                              |       | 449/615.90/270  |
| 3               | 2019-2020 |                           |     | 01                                 |   | 579.5                              | 135   | 715/936.53/216  |
| 4               | 2020-2021 |                           |     | 01                                 |   | 354.5                              |       | 355/397.36/216  |
| 03 năm học cuối |           |                           |     |                                    |   |                                    |       |   |
| 5               | 2021-2022 |                           |     |                                    |   | 370                                | 45    | 415/468.75/216  |
| 6               | 2022-2023 |                           |     |                                    |   | 217.0                              | 56.25 | 276.75/280.58/216   |
| 7               | 2023-2024 |                           |     |                                    |   | 219                                | 81    | 300/357.8/200   |

(\*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

### 3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: tiếng Nga, tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Bảo vệ luận án tiến sỹ tại nước: Liên bang Nga tháng 12/2012 bằng tiếng Nga.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: ..... số bằng: .....; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): .....

d) Đối tượng khác  ; Diễn giải: .....

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Có khả năng giao tiếp và đọc hiểu các tài liệu bằng tiếng Anh.

#### 4. Hướng dẫn học viên cao học đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

| TT | Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT | Đối tượng |      | Trách nhiệm hướng dẫn |     | Thời gian hướng dẫn từ ... đến ... | Cơ sở đào tạo         | Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng |
|----|-------------------------------|-----------|------|-----------------------|-----|------------------------------------|-----------------------|---|
|    |                               | NCS       | HVCH | Chính                 | Phụ |                                    |                       |   |
| 1  | Thiều Thị Hà Chi              |           | x    | x                     |     | 03-2016 đến 10-2016                | Trường ĐH Mỏ-Địa Chất | 26/12/2016  |
| 2  | Phan Văn Hiếu                 |           | x    | x                     |     | 03-2018 đến 04/2019                | Trường ĐH Mỏ-Địa Chất | 04/01/2019  |
| 3  | Trần Nam Hải                  |           | x    | x                     |     | 12/2018 đến 06/2019                | Trường ĐH GTVT        | 29/05/2020  |
| 4  | Nguyễn Kiều Trang             |           | x    | x                     |     | 09-2019 đến 05-2020                | Trường ĐH Mỏ-Địa Chất | 03/11/2020  |

#### 5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

| TT        | Tên sách                           | Loại sách (CK, GT, TK, HD) | Nhà xuất bản và năm xuất bản | Số tác giả | Chủ biên            | Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)                | Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách) |
|-----------|------------------------------------|----------------------------|------------------------------|------------|---------------------|--|--|
| <b>I</b>  | <b>Trước khi được công nhận TS</b> |                            |                              |            |                     |  |  |
| ...       |                                    |                            |                              |            |                     |  |  |
| <b>II</b> | <b>Sau khi được công nhận TS</b>   |                            |                              |            |                     |  |  |
| 1         | Trắc địa Đại cương                 | GT                         | NXB GTVT, năm 2016           | 04         | PGS.TS Trần Đắc Sử  | Tham gia viết và biên soạn tất cả các chương           | Xác nhận sử dụng sách ngày 17/06/2024                      |
| 2         | Quan trắc Biến dạng Công trình     | GT                         | NXB GTVT, năm 2017           | 02         | TS Hồ Thị Lan Hương | Viết và biên soạn các ví dụ, bài tập tất cả các chương | Xác nhận sử dụng sách ngày 17/06/2024                      |
| 3         | Trắc địa Công trình                | GT                         | NXB GTVT, năm 2024           | 03         | TS. Trần Quang Học  | Viết và biên soạn các chương 1,4 và 5                  | Xác nhận sử dụng sách ngày 27/06/2024                      |

#### 6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

| TT        | Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...) | CN/PCN/TK | Mã số và cấp quản lý | Thời gian thực hiện | Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ |
|-----------|--|-----------|----------------------|---------------------|---|
| <b>I</b>  | <b>Trước khi được công nhận TS</b>             |           |                      |                     |   |
| ...       |  |           |                      |                     |   |
| <b>II</b> | <b>Sau khi được công nhận TS</b>               |           |                      |                     |   |

|   |  |    |              |                |                   |
|---|--|----|--------------|----------------|-------------------|
| 1 | Nghiên cứu phương pháp xử lý kết hợp trị đo bằng công nghệ GPS, máy toàn đạc điện tử trong hệ tọa độ phẳng và hệ tọa độ không gian khi thành lập lưới trắc địa công trình. | CN | T2015-CT-26  | 1/2015-12/2015 | 16/12/2015<br>Tốt |
| 2 | Nghiên cứu xây dựng mô hình quản lý cơ sở dữ liệu hạ tầng giao thông bằng công nghệ GIS.   | CN | T2017-CT-106 | 1/2017-12/2017 | 06/02/2018<br>Tốt |

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

**7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):**

*7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:*

| TT         | Tên bài báo/báo cáo KH   | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN                                     | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) | Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) | Tập, số, trang    | Tháng, năm công bố |
|------------|--|------------|------------------|---|---|--|-------------------|--------------------|
| <b>I</b>   | <b>Trước khi được công nhận TS</b>   |            |                  |   |   |  |                   |                    |
| <b>I.1</b> | <b>Bài báo đăng trên tạp chí, báo cáo khoa học chuyên ngành uy tín trong nước (03 bài)</b>   |            |                  |   |   |  |                   |                    |
| 1          | Quan trắc chuyển dịch ngang móng trụ cầu bằng phương pháp hướng chuẩn.   | 02         |                  | Tạp chí khoa học Giao thông Vận tải.  |   |  | Số 18, 3-7        | 06/2007            |
| 2          | Phương pháp xử lý số liệu đường chuyền khuyết phương vị.   | 01         | x                | Tạp chí khoa học Giao thông Vận tải.<br>ISSN 1859-2724                              |   |  | Số 28, 118-122    | 12/2009            |
| 3          | Phương pháp tính chuyển tọa độ nhà nước về hệ tọa độ công trình.   | 02         | x                | Tạp chí khoa học Giao thông Vận tải<br>ISSN 1859-2724                               |   |  | Số 34, 72-77      | 06/2011            |
| <b>I.2</b> | <b>báo công bố trên tạp chí, báo cáo khoa học quốc tế (02 bài)</b>   |            |                  |   |   |  |                   |                    |
| 4          | Учет влияния кривизны Земли при инженерно-геодезических работах.<br>“Tính toán ảnh hưởng của độ cong của Trái đất đến công tác trắc địa công trình”. | 04         |                  | Геодезия и аэрофотосъемка.<br>ISSN 0536-101X<br>Tạp chí Trắc địa và ảnh hàng không. |   |  | Vol. 56(1), 11-14 | 02/2012            |

|   |  |    |   |  |  |  |                             |         |
|---|--|----|---|--|--|--|-----------------------------|---------|
| 5   | Оценка точности<br>вычисления приращений<br>координат в проекции<br>гаусса-крюгера по<br>результатам спутниковых<br>измерений.<br>“Đánh giá độ chính xác của<br>việc tính số gia tọa độ trong<br>phép chiếu Gauss-Kruger<br>dựa trên kết quả đo đạc của<br>vệ tinh”. | 03 | x | Геодезия и<br>аэрофотосъемка.<br>Тạp chí Trắc địa<br>và ảnh hàng<br>không.<br>ISSN 0536-101X |  |  | Vol<br>56(2),<br>30-35      | 4/2012  |
| <b>II Sau khi được công nhận TS</b>   |  |    |   |  |  |  |                             |         |
| <b>II.1 Bài báo đăng trên tạp chí, báo cáo khoa học chuyên ngành uy tín trong nước (17 bài)</b> |  |    |   |  |  |  |                             |         |
| 6   | Nghiên cứu phương pháp xử<br>lý kết hợp trị đo bằng GPS và<br>máy toàn đạc điện tử trong hệ<br>tọa độ phẳng khi thành lập<br>lưới trắc địa công trình.   | 01 | x | Tạp chí khoa học<br>Giao thông Vận<br>tải<br>ISSN 1859-2724                                  |  |  | Số 43,<br>80-84             | 09/2013 |
| 7   | Khảo sát biến dạng chiều dài<br>khi thiết kế và thi công tuyến<br>đường có chiều dài lớn.  | 02 | x | Tạp chí Cầu<br>đường Việt Nam<br>ISSN 1859-459X  |  |  | Số 04,<br>15-19             | 04/2015 |
| 8   | Nghiên cứu phương pháp xử<br>lý kết hợp trị đo bằng GPS và<br>máy toàn đạc điện tử trong hệ<br>tọa độ vuông góc không gian<br>khi thành lập lưới trắc địa<br>công trình.   | 02 | x | Tạp chí khoa học<br>Giao thông Vận<br>tải<br>ISSN 1859-2724                                  |  |  | Số 49,<br>20-26             | 12/2015 |
| 9   | Khảo sát đánh giá sự phù hợp<br>của một số hàm dự báo lún<br>trong phân tích và dự báo lún<br>các công trình xây dựng trên<br>nền đất yếu từ kết quả quan<br>trắc.   | 02 | x | Tạp chí Giao<br>thông Vận tải.<br>ISSN 2354-0818   |  |  | Số<br>đặc<br>biệt,<br>61-64 | 12/2016 |
| 10  | Nghiên cứu phương pháp<br>chuyên độ cao qua sông lớn<br>bằng công nghệ GPS khi<br>thành lập lưới độ cao trong<br>xây dựng cầu.   | 02 | x | Tạp chí khoa học<br>Giao thông Vận<br>tải.<br>ISSN 1859-2724                                 |  |  | Số 56,<br>26-30             | 02/2017 |
| 11  | Nghiên cứu ứng dụng hệ<br>thống thông tin địa lý (GIS)<br>trong công tác quản lý, thu<br>gom rác thải đô thị.  | 02 | x | Tạp chí Giao<br>thông<br>Vận tải<br>ISSN 2354-0818   |  |  | Số 5,<br>110-<br>113        | 05/2017 |



|   |   |    |   |   |                  |  |                             |         |
|---|---|----|---|---|------------------|--|-----------------------------|---------|
| 12  | Nghiên cứu phát triển mô hình quản lý cơ sở dữ liệu hạ tầng giao thông đường bộ và ứng dụng trên một số tuyến đường chính tại quận Đống Đa, TP. Hà Nội. | 01 | x | Tạp chí khoa học Giao thông Vận tải<br>ISSN 1859-2724                     |                  |  | Số 61,<br>35-40             | 12/2017 |
| 13  | Nghiên cứu ứng dụng thuật toán ước tính mật độ nhân trong xác định “điểm đen” tai nạn giao thông tại Việt Nam.  | 02 | x | Tạp chí Giao thông Vận tải.<br>ISSN 2354-0818                             |                  |  | Số 4,<br>94-98              | 04/2020 |
| 14  | Nghiên cứu ứng dụng quét laser mặt đất và ảnh chụp từ máy bay không người lái (UAV) trong xây dựng mô hình 3D mặt đất.                                  | 03 |   | Tạp chí Tài nguyên và Môi trường.<br>ISSN 1859-1477                       |                  |  | Số 4(378),<br>18-20         | 02/2022 |
| 15  | Khảo sát độ chính xác thành lập lưới khống chế độ cao bằng công nghệ GNSS/CORS phục vụ khảo sát tuyến đường.  | 03 |   | Tạp chí Cầu đường Việt Nam<br>ISSN 1859-459X                              |                  |  | Số 5,<br>44-47              | 05/2022 |
| 16  | Thực quan hóa trạng thái giao thông trên nền WebGIS bằng dữ liệu GPS  | 07 |   | Tạp chí Giao thông Vận tải.<br>ISSN 2354-0818                             |                  |  | Số 7,<br>49-53              | 07/2022 |
| 17  | Khảo sát đánh giá và nâng cao độ chính xác công nghệ trạm CORS áp dụng trong công tác quan trắc.  | 03 | x | Tạp chí Giao thông Vận tải.<br>ISSN 2354-0818                             |                  |  | Số 11,<br>78-83             | 11/2022 |
| 18  | Nghiên cứu phương pháp xác định độ cao thủy chuẩn từ kết quả đo và xử lý số liệu GNSS qua xây dựng mô hình geoid cục bộ bằng kỹ thuật RCR               | 01 | x | Tạp chí khoa học Giao thông Vận tải<br>ISSN 1859-2724<br>E-ISSN 2615-9554 | ACI<br>(10/2021) |  | Tập 74,<br>Số 5,<br>582-596 | 6/2023  |
| <a href="https://doi.org/10.47869/tcsj.74.5.3">https://doi.org/10.47869/tcsj.74.5.3</a>   |   |    |   |   |                  |  |                             |         |
| 19  | Xây dựng giải pháp tính chuyển tọa độ từ phép chiếu mercator sang UTM trong công tác trắc địa phục vụ xây dựng công trình biển tại Việt Nam.            | 03 | x | Tạp Chí Khoa Học Giao Thông Vận Tải, 75.3, e-ISBN 2615-9554 (582-596).    | ACI<br>(10/2021) |  | Tập 75, Số 3,<br>1439-1451  | 4/2024  |
| <a href="https://doi.org/10.47869/tcsj.75.3.10">https://doi.org/10.47869/tcsj.75.3.10</a> |   |    |   |   |                  |  |                             |         |

|   |  |    |   |   |                   |    |                             |         |
|---|--|----|---|---|-------------------|----|-----------------------------|---------|
| 20  | Enhanced-ga supports traffic signal optimizations and protects the urban environment                                       | 05 | x | Transport and communications science journal<br>Tập chí khoa học GTVT – Tiếng Anh<br>ISSN: 1859-2724                  | ACI<br>(10/2021)  |    | Vol. 75(4),<br>1604-1616    | 5/2024  |
| <a href="https://doi.org/10.47869/tcsj.75.4.11">https://doi.org/10.47869/tcsj.75.4.11</a> |  |    |   |   |                   |    |                             |         |
| 21  | Applying a two-step cluster algorithm in traffic accident data analysis.   | 04 |   | Transport and communications science journal<br>Tập chí khoa học GTVT – Tiếng Anh<br>ISSN: 1859-2724                  | ACI<br>(10/2021)  |    | Vol. 75(4),<br>1673-1687    | 5/2024  |
| <a href="https://doi.org/10.47869/tcsj.75.4.16">https://doi.org/10.47869/tcsj.75.4.16</a> |  |    |   |   |                   |    |                             |         |
| 22  | Nghiên cứu ứng dụng công nghệ radar xuyên đất dò tìm đối tượng ngầm phục vụ công tác thành lập bản đồ công trình ngầm.     | 01 | x | Tạp chí Giao thông Vận tải<br>ISSN 2354-0818  |                   |    | Tập 64,<br>Số 6,<br>76-79   | 6/2024  |
| <b>II.2 Bài báo công bố trên tạp chí, báo cáo khoa học quốc tế (12 bài báo)</b>           |  |    |   |   |                   |    |                             |         |
| 23  | Investigation of the accuracy of horizontal points of unmanned aerial vehicle in establishing of large scale terrain maps. | 03 | x | Proceedings of International Conference on Smart Management of Infrastructures.<br>ISBN: 978-604-76-1481-3            |                   |    | Số ICSM I<br>2017,<br>31-36 | 11/2017 |
| 24  | Landslide monitoring solutions at km7+500 provincial road (Sapa town-Ban Den section) by geodetic methods                  | 01 | x | Tạp chí Giao thông Vận tải, International Conference ICSCCE on Sustainability in Civil Engineering.<br>ISSN 2354-0818 |                   |    | Số ICSC E,233-235           | 11/2018 |
| 25  | Features of large-scale landslide at Hau Thao area, Sa Pa town, Lao Cai province.  | 02 |   | Lecture Notes in Civil Engineering. Geotechnics for Sustainable Infrastructure Development.                           | Scopus<br>IF=0.13 | 10 | Vol.6<br>2<br>917-922       | 11/2019 |

|   |  |    |   |   |   |    |                                     |         |
|---|--|----|---|---|---|----|-------------------------------------|---------|
|   |  |    |   | Electronic ISSN<br>2366-2565  |   |    |                                     |         |
| <a href="https://doi.org/10.1007/978-981-15-2184-3_119">https://doi.org/10.1007/978-981-15-2184-3_119</a> |  |    |   |   |   |    |                                     |         |
| 26  | A neural network approach for solving trafficflow forecasting based on the historical voyage datasets: A case study on Hai Phong roads.      | 05 | x | Lecture Notes in Civil Engineering. Conference on Sustainability in Civil Engineering. Electronic ISSN 2366-2565        | Scopus<br>IF=0.13   |    | Vol.<br>145,<br>337–<br>342         | 04/2021 |
| <a href="https://doi.org/10.1007/978-981-16-0053-1_42">https://doi.org/10.1007/978-981-16-0053-1_42</a>   |  |    |   |   |   |    |                                     |         |
| 27  | Identification, Monitoring, and Assessment of an Active Landslide in Tavan-Hauthao, Sapa, Laocai, Vietnam – A Multidisciplinary Approach.    | 10 |   | Journal of Disaster Research 1881-2473(Print) / 1883-8030(Online)   | ESCI,<br>Scopus<br>(IF=0.87,<br>Q3)                                 |    | Vol.<br>16(4),<br>501-<br>511       | 06/2021 |
| <a href="https://doi.org/10.20965/jdr.2021.p0501">https://doi.org/10.20965/jdr.2021.p0501</a>             |  |    |   |   |   |    |                                     |         |
| 28  | The Sustainable Development of Railway System in Vietnam by GIS-based Technologies.  | 02 |   | E3S Web of Conferences, Annual International Scientific Conference “Spatial Data: Science, Research and Technology 2021 | Scopus<br>IF=0.38   | 2  | Vol.<br>310,<br>01-09               | 10/2021 |
| <a href="https://doi.org/10.1051/e3sconf/202131003003">https://doi.org/10.1051/e3sconf/202131003003</a>   |  |    |   |   |   |    |                                     |         |
| 29  | Traffic data analysis by data mining algorithms  | 02 | x | International Journal of Latest Engineering Research and Applications (IJLERA).<br>ISSN: 2455-7137                      |   |    | Vol.<br>7(4),<br>01-07              | 04/2022 |
| <a href="http://www.ijlera.com/vol7-iss4.html">http://www.ijlera.com/vol7-iss4.html</a>                   |  |    |   |   |   |    |                                     |         |
| 30  | Short-Term Traffic Speed Forecasting Model for a Parallel Multi-Lane Arterial Road Using GPS-Monitored Data Based on Deep Learning Approach. | 09 | x | <i>Sustainability</i><br>e-ISSN: 2071-1050  | SCIE/<br>Scopus<br>(4-year,<br>IF=4.649<br>, Q1)<br>H-index:<br>169 | 11 | Vol<br>14,<br>issue<br>10 :<br>6351 | 05/2022 |

|   |   |    |   |   |  |   |                             |         |
|---|---|----|---|---|--|---|-----------------------------|---------|
| <p>Link bài báo: <a href="https://doi.org/10.3390/su14106351">https://doi.org/10.3390/su14106351</a><br/> Link kiểm tra bài báo thuộc tạp chí uy tín:<br/> SCIE: Web of science<br/> Scopus: Scopus Sources<br/> H-index: Scimgo Journal Rank (H-index = 169, Q1)<br/> IF: Impact factor (scijournal.com) (4-year IF = 4.649)<br/> <a href="https://www.scijournal.org/impact-factor-of-sustainability-basel.shtml">https://www.scijournal.org/impact-factor-of-sustainability-basel.shtml</a></p>                                      |   |    |   |   |  |   |                             |         |
| 31  | Traffic signal timing optimization for isolated urban intersections considering environmental problems and non motorized vehicles by using constrained optimization solutions | 03 | x | Innovative Infrastructure Solutions.<br>ISSN: 2364-4176   | ESCI,<br>Scopus<br>(IF=<br>2.793,<br>H-index<br>= 28,Q2)           | 3 | Vol.7,<br>issue<br>5        | 08/2022 |
| <p>Link bài báo: <a href="https://doi.org/10.1007/s41062-022-00895-9">https://doi.org/10.1007/s41062-022-00895-9</a><br/> Link kiểm tra bài báo thuộc tạp chí uy tín:<br/> SCIE: Web of science<br/> Scopus: Scopus Sources<br/> H-index: Scimgo Journal Rank (H-index = 28, Q2)<br/> IF: Impact factor (scijournal.com) (4-year IF = 2.793)<br/> <a href="https://www.scimagojr.com/journalsearch.php?q=21100888788&amp;tip=sid&amp;clean=0">https://www.scimagojr.com/journalsearch.php?q=21100888788&amp;tip=sid&amp;clean=0</a></p> |   |    |   |   |  |   |                             |         |
| 32  | Assessing the accuracy of Lidar UAV technology along with the lidar camera in establishing the terrain map for construction in Vietnam.                                       | 03 | x | Lecture Notes in Civil Engineering (Hội thảo) eBook<br>ISBN 978-981-99-2345-8<br>ICSCE 2022, 25–27 November, Hanoi, Vietnam |  |   | Vol.<br>344,<br>159–<br>166 | 8/2023  |
| <p><a href="https://doi.org/10.1007/978-981-99-2345-8_15">https://doi.org/10.1007/978-981-99-2345-8_15</a></p>  |   |    |   |   |  |   |                             |         |
| 33  | Urban Traffic Accident Features Investigation to Improve Urban Transportation Infrastructure Sustainability by Integrating GIS and Data Mining Techniques.                    | 03 | x | <i>Sustainability</i><br>e-ISSN: 2071-1050  | SCIE/<br>Scopus<br>(4-year,<br>IF=4.649,<br>Q1)<br>H-index:<br>169 |   | Vol<br>16(1)                | 12/2023 |
| <p>Link bài báo: <a href="https://doi.org/10.3390/su16010107">https://doi.org/10.3390/su16010107</a><br/> Link kiểm tra bài báo thuộc tạp chí uy tín:<br/> SCIE: Web of science<br/> Scopus: Scopus Sources<br/> H-index: Scimgo Journal Rank (H-index = 169, Q1)<br/> IF: Impact factor (scijournal.com) (4-year IF = 4.649)<br/> <a href="https://www.scijournal.org/impact-factor-of-sustainability-basel.shtml">https://www.scijournal.org/impact-factor-of-sustainability-basel.shtml</a></p>                                      |   |    |   |   |  |   |                             |         |
| 34  | Enhanced Deep Neural Networks for Traffic Speed Forecasting Regarding Sustainable Traffic   | 05 | x | <i>Sustainability</i><br>e-ISSN: 2071-1050  | SCIE/<br>Scopus  |   | Vol<br>16(6)                | 03/2024 |

|   |  |  |  |  |  |  |
|---|--|--|--|--|--|--|
| Management Using Probe Data from Registered Transport Vehicles on Multilane Roads.  |  |  |  | (4-year, IF=4.649, Q1)<br>H-index: 169 |  |  |
| Link bài báo: <a href="https://doi.org/10.3390/su16062453">https://doi.org/10.3390/su16062453</a><br>Link kiểm tra bài báo thuộc tạp chí uy tín:<br>SCIE: Web of science<br>Scopus: Scopus Sources<br>H-index: Scimgo Journal Rank (H-index = 169, Q1)<br>IF: Impact factor (scijournal.com) (4-year IF = 4.649)<br><a href="https://www.scijournal.org/impact-factor-of-sustainability-basel.shtml">https://www.scijournal.org/impact-factor-of-sustainability-basel.shtml</a> |  |  |  |  |  |  |

- Trong đó: Số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà ứng viên là tác giả chính sau TS là **04** bài, trong đó có 03 bài thuộc danh mục SCIE [30], [33], [34] và 01 bài thuộc danh mục ESCI bài số [31].

7.2. *Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích*: Ứng viên không có bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích.

7.3. *Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)*: Ứng viên không có giải thưởng quốc gia, quốc tế.

**8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:**

| TT  | Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN | Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia) | Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm) | Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng | Văn bản đưa vào áp dụng thực tế | Ghi chú |
|-----|---|--------------------------------|--|------------------------------------|---------------------------------|---------|
| ... |   |                                |  |                                    |                                 |         |

**9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế:**

- Đối chiếu theo các quy định hiện hành, ứng viên đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn để đăng ký xét công nhận chức danh Phó giáo sư. Vì vậy, ứng viên không đề xuất các công trình khoa học thay thế cho các tiêu chuẩn không đủ so với quy định.

**C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2024  
**NGƯỜI ĐĂNG KÝ**



**TS. Trần Quang Học**